

KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (tài liệu hệ thống)

Phan Việt Hiếu

ThS, Kỹ sư xây dựng, Cử nhân Kế toán
Giảng viên Trung tâm Đào tạo Kiểm toán Xây dựng
tuvan@kiemtoanxaydung.vn [E]
kiemtoanxaydung.vn [W]
098765.6161[P]

Hoạt động kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng là nguyên tắc thứ 5 trong sáu nguyên tắc chung trong quản lý chất lượng công trình xây dựng; và là bước thứ 8 của trình tự quản lý chất lượng thi công xây dựng được quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định 46).

1. Đối tượng công trình được kiểm tra:

Theo quy định tại Điều 123, Luật Xây dựng 2014 (Nghiệm thu công trình xây dựng) thì các công trình quan trọng quốc gia, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng và môi trường, công trình sử dụng vốn nhà nước phải được kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.

Và được quy định rõ tại Điều 32, Nghị định 46, bao gồm:

- a) Công trình quan trọng quốc gia, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định hàng năm;
- b) Công trình xây dựng *sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách*;
- c) Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng (xem Phụ lục II – Nghị định 46) ngoài các công trình đã nêu trên;
- d) Công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường ngoài các công trình đã nêu trên được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- đ) Riêng đối với công trình đường dây, trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống, *công trình cấp IV sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, chủ đầu tư tự tổ chức nghiệm thu* và có trách nhiệm báo cáo về kết quả nghiệm thu nêu trên cho cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để tổng hợp, theo dõi.

Điều kiện để đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng đối với các công trình nêu trên là phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư.

Riêng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách, chủ đầu tư *chỉ được quyết toán hợp đồng thi công xây dựng sau khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu* nêu trên.

2. Thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức kiểm tra:

Cũng theo Điều 123, Luật Xây dựng 2014 và Điều 32, Nghị định 46 thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu được quy định như sau:

a) Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng (được thành lập và hoạt động theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ) tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với công trình quan trọng quốc gia, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp do Thủ tướng Chính phủ quyết định hàng năm;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra các loại công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ (theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Nghị định 46) đối với công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, trừ các công trình quy định thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng nghiệm thu nhà nước nêu trên;

c) Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra các loại công trình xây dựng trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở (theo quy định tại Khoản 4, Điều 51 Nghị định 46), trừ các công trình quy định thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng nghiệm thu nhà nước và Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ nêu trên;

Căn cứ điều kiện thực tế của các địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền thực hiện kiểm tra đối với một số công trình cấp III, IV thuộc trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành nêu trên cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện;

d) Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình;

đ) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định về thẩm quyền thực hiện kiểm tra đối với các công trình quốc phòng, an ninh.

3. Nội dung kiểm tra:

Nội dung kiểm tra bao gồm kiểm tra sự tuân thủ các quy định về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng trong khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình theo quy định của Nghị định 46 và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trình tự kiểm tra:

4.1. Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng:

a) *Trong thời gian 15 ngày* kể từ ngày khởi công công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về xây dựng về thông tin công trình: Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình (theo Mẫu số 01, Phụ lục I, Thông tư 04/2019/TT-BXD).

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình:

- Không quá 03 lần đối với công trình cấp đặc biệt và công trình cấp I;
- Không quá 02 lần đối với các công trình còn lại;
- Trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc trong trường hợp Chủ đầu tư quyết định tổ chức nghiệm thu từng phần công trình hoặc nghiệm thu có điều kiện để đưa công trình vào sử dụng trong trường hợp còn một số tồn tại về chất lượng nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, công năng của công trình và bảo đảm công trình, đủ điều kiện khai thác an toàn.

Căn cứ vào loại và cấp của từng công trình, cơ quan chuyên môn về xây dựng quyết định thời điểm tổ chức kiểm tra khi công trình kết thúc các giai đoạn thi công quan trọng.

Ví dụ 1: đối với công trình xây dựng dân dụng, các giai đoạn thi công quan trọng gồm móng và phần ngầm - kết cấu phần thân - cơ điện (thiết bị) và hoàn thiện;

Ví dụ 2: đối với công trình cầu, các giai đoạn gồm móng, mố trụ - dầm cầu - hoàn thiện; đối với công trình đường, các giai đoạn gồm nền đường (các lớp nền) - móng đường - áo đường; ...

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra; tổ chức thực hiện kiểm tra và *thông báo kết quả kiểm tra* trong quá trình thi công

xây dựng công trình bằng văn bản gửi chủ đầu tư chậm nhất sau 7 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra.

4.2. Kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng:

a) Chủ đầu tư căn cứ ngày dự kiến tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng và phải gửi văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng (theo Mẫu số 02, Phụ lục I, Thông tư 04/2019/TT-BXD) tới cơ quan chuyên môn về xây dựng:

- Tối thiểu trước 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I;
- Tối thiểu trước 10 ngày đối với các công trình còn lại.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo các nội dung quy định, gồm các nội dung như sau:

- Kiểm tra thực tế thi công xây dựng công trình so với giấy phép xây dựng đối với công trình phải cấp phép xây dựng, thiết kế xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, biện pháp thi công, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp đảm bảo an toàn được phê duyệt;
- Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình;
- Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan trong khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng công trình;
- Kiểm tra các điều kiện để nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Trong quá trình kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền được quyền yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có) và thực hiện thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình.

Khi kết thúc kiểm tra cơ quan chuyên môn về xây dựng ra **thông báo kết quả kiểm tra** bằng văn bản gửi chủ đầu tư:

- Trong thời hạn 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I;
- Trong thời hạn 10 ngày đối với các công trình còn lại.

Sau khi nhận được thông báo của cơ quan chuyên môn về xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, rà soát và tổ chức khắc phục các tồn tại (nếu có), tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định; gửi biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng

và báo cáo về việc khắc phục các tồn tại (nếu có) đến cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng và báo cáo về việc khắc phục các tồn tại (nếu có) của chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng ra ***văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu*** của chủ đầu tư (theo Mẫu số 03, Phụ lục I, Thông tư 04/2019/TT-BXD).

Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và ***thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu*** hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng là một thành phần hồ sơ trong danh mục hồ sơ hoàn thành công trình (theo Phụ lục III Thông tư 26/2016/TT-BXD) - là tài liệu kèm theo Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng, hạng mục công trình, công trình xây dựng của Chủ đầu tư (theo Mẫu số 02, Phụ lục I, Thông tư 04/2019/TT-BXD).

c) Trường hợp Chủ đầu tư quyết định tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng có điều kiện để đưa công trình vào sử dụng trong trường hợp còn một số tồn tại về chất lượng nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, công năng của công trình và bảo đảm công trình, đủ điều kiện khai thác an toàn:

- Biên bản nghiệm thu phải nêu rõ các tồn tại về chất lượng cần khắc phục hoặc các công việc xây dựng cần được tiếp tục thực hiện và thời gian hoàn thành các công việc này.
- Chủ đầu tư phải tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình sau khi các tồn tại về chất lượng đã được khắc phục hoặc các công việc xây dựng còn lại đã được hoàn thành.

Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thi công và nghiệm thu đối với các công việc còn lại theo thiết kế được duyệt; quá trình thi công phải đảm bảo an toàn và không ảnh hưởng đến việc khai thác, vận hành bình thường của hạng mục công trình, công trình xây dựng đã được chấp thuận kết quả nghiệm thu.

d) Cơ quan chuyên môn về xây dựng không thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu.

e) Việc kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

f) Cơ quan có thẩm quyền được mời các tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra.

5. Chi phí cho việc kiểm tra:

Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng là một thành phần chi phí thuộc khoản mục chi phí khác do chủ đầu tư lập dự toán, thẩm định, phê duyệt và được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình. Bao gồm:

- Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm công tác phí theo quy định và chi phí khác phục vụ cho công tác kiểm tra;
- Chi phí thuê cá nhân (chuyên gia) do cơ quan chuyên môn về xây dựng mời bao gồm chi phí đi lại, chi phí thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác và tiền công chuyên gia;
- Chi phí thuê tổ chức tham gia thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

Dự toán được lập căn cứ vào đặc điểm, tính chất của công trình; địa điểm nơi xây dựng công trình; thời gian, số lượng cán bộ, chuyên gia (nếu có) tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu và khối lượng công việc phải thực hiện.

Đối với công trình sử dụng vốn nhà nước, chi phí thuê tổ chức tham gia thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng *không vượt quá 20% chi phí tư vấn giám sát* thi công xây dựng công trình.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán các chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi kết thúc đợt kiểm tra. Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng mời tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra, chủ đầu tư thực hiện ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân và thanh toán các chi phí này theo quy định.

6. Chế độ báo cáo:

Bộ Xây dựng chủ trì tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình trong phạm vi cả nước.

Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm tổng hợp, *báo cáo về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu* và sự cố công trình xây dựng do Bộ quản lý gửi về Bộ Xây dựng (theo Mẫu số 01, Phụ lục VIII, Thông tư 26/2016/TT-BXD).

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, *báo cáo về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu* và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn gửi về Bộ Xây dựng (theo Mẫu số 01, Phụ lục VIII, Thông tư 26/2016/TT-BXD)./.

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT, TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- [2]. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- [3]. Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính Phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- [4]. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính Phủ Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- [5]. Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- [6]. Thông tư 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

DANH MỤC BIỂU MẪU

- [1]. Danh mục công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng (Phụ lục II - Ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ);
- [2]. Báo cáo về thông tin của hạng mục công trình, công trình xây dựng (Mẫu số 01, Phụ lục I, Thông tư 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng);
- [3]. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng (Mẫu số 02, Phụ lục I, Thông tư 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng);
- [4]. Thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với việc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (Mẫu số 03, Phụ lục I, Thông tư 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng);
- [5]. Báo cáo về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng do bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quản lý (Mẫu số 01, Phụ lục VIII, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016);
- [6]. Báo cáo về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh/thành phố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 02, Phụ lục VIII, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016).

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ ẢNH
HƯỞNG ĐẾN AN TOÀN CỘNG ĐỒNG**

(Phụ lục II - Ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5
năm 2015 của Chính phủ)

Mã số	Loại công trình		Cấp công trình
I	CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG		
I.1	Nhà ở	Nhà chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên	Cấp III trở lên
I.2	Công trình công cộng		
I.2.1	Công trình giáo dục		Cấp III trở lên
I.2.2	Công trình y tế		Cấp III trở lên
I.2.3	Công trình thể thao	Công trình thể thao ngoài trời (không bao gồm sân thể thao), công trình thể thao trong nhà	Cấp III trở lên
I.2.4	Công trình văn hóa	Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường	Cấp III trở lên
		Bảo tàng, thư viện, triển lãm	Cấp III trở lên
		Công trình vui chơi, giải trí và các công trình văn hóa tập trung đông người khác	Cấp III trở lên
I.2.5	Công trình thương mại, dịch vụ và trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp	Công trình đa năng, khách sạn; trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội, sự nghiệp và doanh nghiệp	Cấp III trở lên
		Trung tâm thương mại, siêu thị	Cấp III trở lên
		Nhà phục vụ thông tin liên lạc: bưu điện, bưu cục	Cấp II trở lên
		Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự khác	Cấp II trở lên

I.2.6		Cáp treo vận chuyển người	Mọi cấp
I.2.7	Nhà ga	Nhà ga hàng không	Mọi cấp
		Nhà ga đường thủy, nhà ga đường sắt, bến xe ô tô	Cấp III trở lên
II	CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP		
II.1	Công trình sản xuất vật liệu xây dựng		Cấp III trở lên
II.2	Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo		Cấp III trở lên
II.3	Công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản		Cấp III trở lên
II.4	Công trình dầu khí		Cấp III trở lên
II.5	Công trình năng lượng		Cấp III trở lên
II.6	Công trình hóa chất		Cấp III trở lên
II.7	Công trình công nghiệp nhẹ		Cấp III trở lên
III	CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
III.1	Cấp nước		Cấp II trở lên
III.2	Thoát nước		Cấp II trở lên
III.3	Xử lý chất thải rắn		Cấp II trở lên
III.4	Công trình thông tin, truyền thông	Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS	Cấp III trở lên
		Đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông	Cấp II trở lên
III.5	Bãi đỗ xe ô tô, xe máy	Bãi đỗ xe ngầm	Cấp II trở lên
		Bãi đỗ xe nổi	Cấp II trở lên

III.6	Công cấp; hào và tuy nen kỹ thuật	Tuy nen kỹ thuật	Cấp II trở lên
IV	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		
IV.1	Đường bộ	Đường ô tô cao tốc	Mọi cấp
		Đường ô tô, đường trong đô thị	Cấp I trở lên
		Bến phà	Cấp II trở lên
	Đường sắt		Mọi cấp
	Cầu	Cầu đường bộ, cầu bộ hành, cầu đường sắt, cầu phao	Cấp III trở lên
	Hầm	Hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm cho người đi bộ	Cấp III trở lên
		Hầm tàu điện ngầm (Metro)	Mọi cấp
IV.2	Công trình đường thủy nội địa	Cảng, bến thủy nội địa	Cấp III trở lên
		Đường thủy có bề rộng (B) và độ sâu (H) nước chạy tàu (bao gồm cả phao tiêu, công trình chính trị)	Cấp III trở lên
IV.3	Công trình hàng hải		Cấp II trở lên
IV.4	Công trình hàng không	Khu bay (bao gồm cả các công trình bảo đảm hoạt động bay)	Mọi cấp
V	CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
V.1	Công trình thủy lợi	Công trình cấp nước	Cấp II trở lên
		Hồ chứa nước	Cấp III trở lên
		Tường chắn	Cấp III trở lên
		Đập ngăn nước và các công trình thủy lợi chịu áp khác	Mọi cấp
V.2	Công trình đê điều		Mọi cấp

**MẪU SỐ 01, PHỤ LỤC I - BÁO CÁO VỀ THÔNG TIN CỦA HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

(Kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng)

.....(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:
....., ngày.....tháng.....năm

**BÁO CÁO VỀ....(3)...
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2).....

....(1).....báo cáo về thông tin /giai đoạn thi công của hạng mục công trình, công trình xây dựng như sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:
2. Địa điểm xây dựng:
3. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư:
4. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:.....

5. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng (nêu chi tiết quy mô, các thông số kỹ thuật chủ yếu và công năng sử dụng của các hạng mục công trình, công trình xây dựng).

6. Danh sách các nhà thầu chính và nhà thầu phụ (nếu có): (tổng thầu, các nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng, quản lý dự án).

7. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

8. Tiến độ thi công tổng thể của hạng mục công trình, công trình xây dựng đến thời điểm hiện tại.

Đề nghị..... (2).....tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của chủ đầu tư.

(2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

(3) - Báo cáo về thông tin xây dựng công trình được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điểm a Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

- Báo cáo giai đoạn thi công xây dựng công trình được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng tại các giai đoạn thi công quan trọng theo quy định tại Điểm b Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

MẪU SỐ 02, PHỤ LỤC I - BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng)

.....(1)..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:
....., ngày.....tháng.....năm

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2).....

... (1) báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:.....
2. Địa điểm xây dựng.....
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(1)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình

xây dựng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của Chủ đầu tư.

(2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

MẪU SỐ 03, PHỤ LỤC I - THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG ĐỐI VỚI VIỆC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
(Kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng)

.....(1)..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:
....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi :.....(2).....

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ giấy phép xây dựng (4);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế được thẩm định tại văn bản số ;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Chủ đầu tư số ... ngày ...;

Căn cứ báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số ngày ... (nếu có);

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC số (nếu có);

Căn cứ văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số (nếu có);

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày..... ..

..... (1) chấp thuận kết quả nghiệm thu của. (2) để đưa vào sử dụng đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:(3)....

b) Địa điểm xây dựng:

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình

2. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.
- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt
- Các yêu cầu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Ghi rõ tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi nghiệm thu.

(4) Trường hợp miễn giấy phép xây dựng: ghi căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật

**MẪU SỐ 01, PHỤ LỤC VIII. BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH KIỂM TRA
CÔNG TÁC NGHIỆM THU VÀ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DO BỘ
QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ**

*(Kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây
dựng)*

TÊN CƠ QUAN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..... , ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng
do (1)..... quản lý**

Năm(2).....

Kính gửi: Bộ Xây dựng

I. Số lượng công trình xây dựng

Thống kê số lượng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý thông qua công tác kiểm tra nghiệm thu:

Loại công trình	Đang tổ chức kiểm tra					Đã chấp thuận nghiệm thu					Không chấp thuận nghiệm thu (3)				
	Cấp công trình					Cấp công trình					Cấp công trình				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng															
Công nghiệp															
Giao thông															

Nông nghiệp và PTNT															
Hạ tầng kỹ thuật															
Tổng số															

Trong đó:

1. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương: công trình.
2. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác: công trình.

II. Sự cố công trình xây dựng

Thông kê số lượng sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng:

Loại công trình	Công trình đang thi công xây dựng			Công trình đang khai thác, sử dụng		
	Cấp sự cố			Cấp sự cố		
	I	II	III	I	II	III
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Nông nghiệp và PTNT						
Hạ tầng kỹ thuật						
Tổng số						

III. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu pháp
nhân)

Ghi chú:

(1) Tên Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

(2) Năm báo cáo.

(3) Thống kê số lượng những công trình đã hoàn thành thi công xây dựng nhưng chưa đủ điều kiện để chấp thuận nghiệm thu.

**MẪU SỐ 02, PHỤ LỤC VIII - BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH KIỂM TRA
CÔNG TÁC NGHIỆM THU VÀ SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**

(Kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**UBND TỈNH/ THÀNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHỐ (1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng trên
địa bàn tỉnh/thành phố (1).....**

Năm (2).....

Kính gửi: Bộ Xây dựng

I. Số lượng công trình xây dựng

1. Thống kê số lượng công trình thông qua công tác kiểm tra nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo thẩm quyền.

Loại công trình	Đang tổ chức kiểm tra					Đã chấp thuận nghiệm thu					Không chấp thuận nghiệm thu (3)				
	Cấp công trình					Cấp công trình					Cấp công trình				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng															
Công nghiệp															
Giao thông															

Nông nghiệp và PTNT															
Hạ tầng kỹ thuật															
Tổng số															

Trong đó:

- a) Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương: công trình;
- b) Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương: công trình;
- c) Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác: công trình.

2. Thống kê số lượng công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các công trình đã được thống kê tại Khoản 1).

II. Sự cố công trình xây dựng

Thống kê số lượng sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng:

Loại công trình	Công trình đang thi công xây dựng			Công trình đang khai thác, sử dụng		
	Cấp sự cố			Cấp sự cố		
	I	II	III	I	II	III
Dân dụng						
Công nghiệp						
Giao thông						
Nông nghiệp và PTNT						
Hạ tầng kỹ thuật						
Tổng số						

III. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định.
- (2) Năm báo cáo.
- (3) Thống kê số lượng những công trình đã hoàn thành thi công xây dựng nhưng chưa đủ điều kiện để chấp thuận nghiệm thu.